

Bản án số:05/2020/HS-ST
Ngày 18 - 6 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BH - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lục Văn Chăng.

Bà Dương Thị Thủy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BH, tỉnh Lào Cai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BH, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BH, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:05/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Sin Thị M, sinh ngày 20/01/1969 tại huyện BH, tỉnh Lào Cai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn C, xã N, huyện BH, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Nùng; Giới tính Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Sin Khái D và bà: Thên Thị S; Chồng: Hoàng Văn Ph (Đã ly hôn); Con: 02 con, lớn sinh năm 1992 nhỏ sinh năm 1994; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý hành chính và chưa bị Tòa án xét xử; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 22 tháng 01 năm 2020, tạm giam từ ngày 25 tháng 01 năm 2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Sin Thị M: Bà Phạm Thị Thương - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Bị hại: Ma Thị S1 - Sinh năm 1987; Nghề nghiệp: tự do; Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện BH, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

Bị hại: Vàng Thị D - Sinh năm 1981; Nghề nghiệp: tự do; Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện BH, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2005, Sin Thị M đi lên huyện M, tỉnh Lào Cai chơi thì gặp Sùng M1, là người quen lấy chồng và sinh sống tại Trung Quốc. M1 bảo M tìm phụ nữ đưa sang Trung Quốc bán cho M1, sẽ trả giá cao thấp tùy theo ngoại hình từng người, M đồng ý.

Đến khoảng cuối tháng 02/2006, M cùng em gái là Sin Thị H (Sinh năm 1979, cùng trú tại: Thôn C, xã N, huyện BH, tỉnh Lào Cai) đi làm cỏ ngô trên nương, M bảo H lừa Ma Thị S1 (sinh năm 1987, là người ở cùng thôn) sang Trung Quốc lấy chồng sẽ được giàu có, sung sướng, nếu S1 đồng ý đi thì để M đưa sang Trung Quốc bán cho người Trung Quốc lấy làm vợ, M sẽ chia tiền cho H, H đồng ý. Mấy hôm sau, H gặp và rủ S1 đi sang Trung Quốc lấy chồng, S1 đồng ý. H nói cho M biết là đã rủ được S1 đi Trung Quốc lấy chồng, M bảo khi nào S1 đi thì dẫn sang để M đưa đi. Khoảng 3 ngày sau S1 và Vàng Thị D (sinh năm 1981, trú tại thôn Th, xã C, huyện BH, tỉnh Lào Cai) vào nhà H chơi, H tiếp tục lừa rủ S1 sang Trung Quốc lấy chồng, S1 đồng ý, nghe thấy S1 đồng ý đi Trung Quốc lấy chồng, D cũng bảo với H khi nào đưa S1 đi Trung Quốc lấy chồng thì cho D đi cùng, H đồng ý.

Sáng ngày 01/3/2006, H gặp và bảo S1 đi gọi D để đi Trung Quốc lấy chồng. Sau đó, H đưa S1 và D sang nhà Mrời đi về nhà còn S1, D ở lại ăn cơm cùng gia đình M. Ăn cơm xong, M bảo con riêng của chồng là Lùng Văn Th (sinh năm 1987 ở cùng nhà với M) cùng đưa S1, D sang Trung Quốc đi làm, Th đồng ý. M và Th đưa S1, D đi xe khách ra khu vực biên giới thuộc phường L, thành phố L rồi thuê đò qua sông Nậm Thi sang Trung Quốc, tất cả cùng đến nhà Sùng M1. Sau khi thỏa thuận M đã bán S1 và D cho M1 được số tiền 7.000 CNY, M1 trả trước 4.000CNY, số tiền còn lại M1 nợ và sẽ trả sau. Sau đó M giao S1, D cho M1 rồi cùng Th đi về Việt Nam, M đổi ra tiền Việt Nam được 6.000.000 đồng. Khoảng 2 tuần sau H sang nhà M hỏi chia tiền bán D và S1, M nói bán S1, D được 4.000 CNY nhưng chưa đổi sang tiền Việt Nam, nên chỉ đưa trước cho H 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng), khi nào đổi được tiền sẽ chia tiếp cho H. Sau đó, M1 bỏ trốn sang Trung Quốc sinh sống cho đến khi bị bắt. Đối với số tiền có được do bán các bị hại, sau khi chia cho H 200.000 đồng M đã tiêu xài cá nhân hết. Đối với bị hại Ma Thị S1 bị bán cho một người đàn ông Trung Quốc về làm vợ, đến ngày 22/3/2014 Ma Thị S1 trở về Việt Nam và đến Công an huyện BH tố cáo hành vi phạm tội của Sin Thị M, Sin Thị H, hiện Ma Thị S1 không có mặt tại địa phương. Bị hại Vàng Thị D sau khi bị lừa bán sang Trung Quốc đến tháng 7/2019 D trở về Việt Nam sau đó thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì. Quá trình điều tra Sin Thị M đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS-P2 ngày 15/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Sin Thị M về tội: “Mua bán người” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BH, tỉnh Lào Cai luận tội bị cáo, giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Sin Thị M phạm tội: “Mua bán người”. Trong đó:

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Sin Thị M từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ xung đối với bị cáo.

Về Dân sự không đề cập giải quyết.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu số tiền 7.684.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Sin Thị M có mặt tại phiên toà và trình bày: Nhất trí với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BH, tỉnh Lào Cai về tội danh truy tố và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân bị cáo trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của bản thân. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo Sin Thị M được hưởng mức án 05 năm 06 tháng tù và miễn áp dụng hình phạt bổ xung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà bị cáo Sin Thị M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã được tóm tắt ở phần trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai báo, khi được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về gia đình và hoà nhập cộng đồng. Đã có đủ căn cứ khẳng định: Ngày 01 tháng 3 năm 2006, các bị cáo Sin Thị M và Sin Thị H đã có hành vi lừa bán Ma Thị S1 và Vàng Thị D sang Trung Quốc cho Sùng M1 với mục đích lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành của tội "*Mua bán người*" với tình tiết định khung "*Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam*" và "*Đối với 02 người đến 05 người*".

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Sin Thị M ra trước toà về tội: "Mua bán người" theo điểm d, đ khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với Sin Thị H: Tại bản án số 57/2014/HSST ngày 10/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã tuyên bố: bị cáo Sin Thị H phạm tội “Mua bán người” Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 119; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 53 Bộ luật hình sự năm 1999 phạt bị cáo Húi 05 năm 06 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Sin Thị H phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Ma Thị S1 30.000.000 đồng; bồi thường cho nguyên đơn dân sự: Ông Ma Seo D1 (bố bị hại S1) chi phí đi tìm: 7.000.000 đồng; bồi thường cho anh Ma Seo D2(chồng bị hại D) chi phí đi tìm: 9.400.000 đồng.

Sau khi xét xử bị cáo Sin Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại Bản án số 134/2015/HSST ngày 22/4/2015 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đã chấp nhận kháng cáo của bị cáo và sửa bản án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt, buộc bị cáo Sin Thị H phải chịu mức án 04 năm 06 tháng tù. Hiện Sin Thị H đã chấp hành xong hình phạt.

[3]. Về tính chất mức độ hành vi, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người, bị cáo coi con người như hàng hoá để mua bán, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý và quá trình hình thành nhân cách của những người bị hại. Do đó, phải xử phạt bị cáo nghiêm minh và tuyên mức án tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ và phân công vai trò giữa các bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Sin Thị M là người chủ mưu, khởi xướng và tích cực thực hiện hành vi nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Sin Thị H được M rủ rê đã tham gia và là người trực tiếp rủ, đưa các bị hại đến địa điểm định sẵn để M đưa sang Trung Quốc nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò người thực hành tích cực và giữ vai trò thứ hai.

Xét thấy, bị cáo Sin Thị M trước khi phạm tội có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội của Sin Thị M cùng đồng phạm vào tháng 3 năm 2006 thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực. Theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 có mức khởi điểm là 5 năm và mức tối đa là 20 năm tù, còn theo quy định tại khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức khởi điểm là 8 năm và mức tối đa là 15 năm tù. Như vậy, mức khởi điểm của khung hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 nhẹ hơn và mức tối đa của khung hình phạt năm 2015 là nhẹ hơn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của

Quốc hội thì khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015 là điều luật có lợi cho người phạm tội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của bị cáo Sin Thị M cần tuyên phạt với mức án trên mức khởi điểm của khung hình phạt, mà khởi điểm của khung hình phạt đối với tội danh của bị cáo theo Bộ luật hình sự năm 1999 nhẹ hơn khởi điểm của khung hình phạt của Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy, khi quyết định hình phạt theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội cần áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử bị cáo là phù hợp với qui định của pháp luật.

Bị cáo Sin Thị M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm theo qui định của Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng đối với bị cáo Sin Thị M.

[5]. Đối với Lùng Văn Th là người cùng Sin Thị M đưa các bị hại sang Trung Quốc. Tuy nhiên, Lùng Văn Th không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, đối với người phụ nữ tên Sùng 1 là người đã mua S1 và D, quá trình điều tra không xác định được ở đâu bên Trung Quốc. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử thấy là phù hợp và đúng qui định của pháp luật.

[6]. Những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội của Kiểm sát viên; bị cáo; người bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với đề nghị của Kiểm sát viên đều phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và được chấp nhận. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về mức án 05 năm 06 tháng tù, Hội đồng xét xử thấy rằng, mức án đề nghị là nhẹ chưa đánh giá đúng vai trò là chủ mưu, trực tiếp đưa các bị hại sang Trung Quốc bán và hưởng lợi từ việc phạm tội, do vậy chỉ chấp nhận đề nghị về điều luật áp dụng như đề nghị của người bào chữa đối với bị cáo Sin Thị M.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tại Bản án số 57/2014/HSST ngày 10/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã giải quyết và buộc bị cáo Sin Thị H phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về tinh thần và chi phí đi lại tìm kiếm cho người bị hại và các nguyên đơn dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết lại phần trách nhiệm dân sự.

[8] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận đã bán Ma Thị S1 và Vàng Thị D và nhận được 4000 CNY và đổi ra tiền VNĐ được 6.000.000 đồng, bị cáo đưa cho Sin Thị H 200.000 đồng số tiền còn lại là 5.800.000 đồng bị cáo tiêu sài cá nhân hết. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù bị cáo khai đã đổi 4000CNY được 6.000.000 đồng, tuy nhiên căn cứ vào Thông báo tỷ giá mua bán ngoại tệ ngày 01 tháng 3 năm 2006 của Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Thành phố L thì 1 CNY đổi được 1971 VNĐ, số tiền 4000 CNY được qui đổi thành 7.884.000 đồng. Do vậy, số tiền còn lại sau khi bị cáo đưa cho bị cáo H còn lại là 7.684.000 đồng, đây là tiền do phạm tội mà có và cần truy thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sin Thị M phạm tội “Mua bán người”.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Sin Thị M 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 01 năm 2020.

2. Về vật chứng: Áp khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu số tiền 7.684.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn) do bị cáo phạm tội mà có để nộp ngân sách nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án ra Quyết định thi hành cho đến khi thi hành xong khoản trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo qui định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo Sin Thị M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo Bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo qui định tại khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện BH;
- CQCSĐT CA huyện BH;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai;
- Sở tư pháp tỉnh Lào Cai;
- PC 81 Công an tỉnh Lào Cai;
- Bị cáo;
- Người bảo chữa cho bị cáo;
- Người bị hại;
- THAHS;
- CCTHADS;
- Lưu HS; TA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Hưng